

Số: 09 /2021 CV/VCS-QHCB

V/v: Giải trình chênh lệch báo cáo kết quả kinh doanh riêng công ty mẹ quý IV năm 2020

Hà Nội, ngày 28 tháng 1 năm 2021

Kính gửi:

- Ủy ban chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán
- Quý cổ đông

Công ty Cổ phần Vicostone ("Công ty") mã CK: VCS xin trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Ủy ban chứng khoán Nhà Nước, Sở giao dịch chứng khoán và Quý cổ đông trong thời gian qua.

Công ty giải trình biến động trên báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh riêng công ty mẹ quý IV năm 2020 so với cùng kỳ năm 2019 chi tiết như sau:

### I. Chênh lệch một số chỉ tiêu trên báo cáo kết quả kinh doanh

Đơn vị tính: Việt Nam Đồng

Mã số	Chỉ tiêu	Quý IV.2020	Quý IV.2019	Chênh lệch	% chênh lệch
10	Doanh thu thuần	1,598,039,303,995	1,517,650,928,479	80,388,375,516	5.30
11	Giá vốn hàng bán	1,060,520,890,829	1,027,744,110,693	32,776,780,136	3.19
20	Lợi nhuận gộp về BH và CCDV	537,518,413,166	489,906,817,786	47,611,595,380	9.72
21	Doanh thu hoạt động tài chính	20,062,301,551	10,630,514,064	9,431,787,487	88.72
22	Chi phí tài chính	11,491,282,740	16,204,580,641	(4,713,297,901)	(29.09)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay	11,311,367,634	15,017,146,688	(3,705,779,054)	(24.68)
25	Chi phí bán hàng	39,322,855,793	37,323,858,650	1,998,997,143	5.36
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	14,438,413,112	14,838,179,605	(399,766,493)	(2.69)
31	Thu nhập khác	365,533,959	317,999,205	47,534,754	14.95
32	Chi phí khác	3,219,994,637	1,462,979,675	1,757,014,962	120.10
40	Lợi nhuận khác	(2,854,460,678)	(1,144,980,470)	(1,709,480,208)	149.30
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	489,473,702,394	431,025,732,484	58,447,969,910	13.56
51	Chi phí thuế TNDN hiện hành	73,756,751,561	65,354,513,616	8,402,237,945	12.86
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN	415,716,950,833	365,671,218,868	50,045,731,965	13.69



## II. Nguyên nhân biến động

Những tháng cuối năm, Công ty nỗ lực để hướng tới hiệu quả sản xuất kinh doanh. Bằng những giải pháp để thúc đẩy bán hàng và quản trị chi phí, lợi nhuận của Công ty quý IV tăng cao so với cùng kỳ năm trước.

Cụ thể từng chỉ tiêu như sau:

1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ của công ty tăng 80,388,375,516 đồng (5.30%), cụ thể:
  - Doanh thu thành phẩm tăng: 126,816,528,436 đồng (9.40%)
  - Doanh thu nguyên vật liệu giảm: 46,428,152,920 đồng (27.48%)
2. Giá vốn bán hàng tăng 32,776,780,136 đồng (3.19%) do:
  - Giá vốn thành phẩm tăng: 77,274,541,798 đồng (8.91%)
  - Giá vốn nguyên vật liệu giảm: 44,497,761,662 đồng (27.79%)
3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng 47,611,595,380 đồng (9.72%) chủ yếu do:
  - Lợi nhuận gộp của thành phẩm tăng 49,541,986,638 đồng (10.30%)
  - Lợi nhuận gộp về bán nguyên vật liệu, phụ tùng giảm 1,930,391,258 đồng (21.93%).
4. Doanh thu hoạt động tài chính tăng 9,431,787,487 đồng (88.72%) chủ yếu do:
  - Lãi tiền gửi, tiền cho vay tăng 513,984,888 đồng (11.85%)
  - Lãi chênh lệch tỷ giá tăng: 9,118,077,148 đồng (149.67%)
5. Chi phí tài chính giảm 4,713,297,901 đồng (29.09%) do:
  - Chi phí lãi vay giảm: 3,705,779,054 đồng (24.68%)
  - Lỗ chênh lệch tỷ giá giảm: 1,007,518,847 đồng (84.85%)
6. Chi phí bán hàng tăng 1,998,997,143 đồng (5.36%) chủ yếu do: Chi phí vật liệu, dụng cụ cho bán hàng, chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác tăng.
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp giảm 399,766,493 đồng (2.69%) chủ yếu do chi phí nhân viên quản lý, chi phí khấu hao tài sản cố định giảm.

Như vậy, tổng lợi nhuận kế toán trước thuế của Công ty tăng 58,447,969,910 đồng (13.56%), lợi nhuận sau thuế tăng: 50,045,731,965 đồng (13.69 %) so với cùng kỳ năm trước do các nguyên nhân: Doanh thu bán hàng, doanh thu tài chính tăng, chi phí tài chính, chi phí quản lý doanh nghiệp giảm.



Xin chân thành cảm ơn.

*Boat*

**Nơi nhận:**

- Như trên
- Lưu Ban QHCD,
- Lưu VT, TCKT



TỔNG GIÁM ĐỐC  
*Phạm Anh Tuấn*

